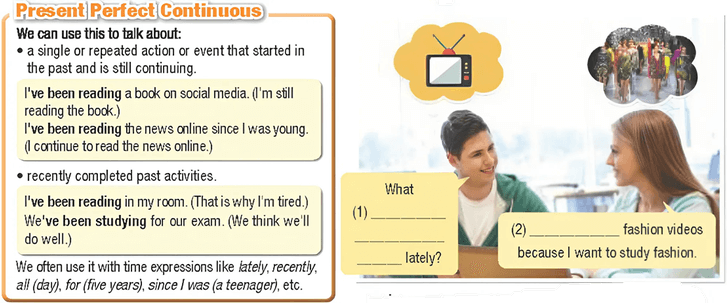
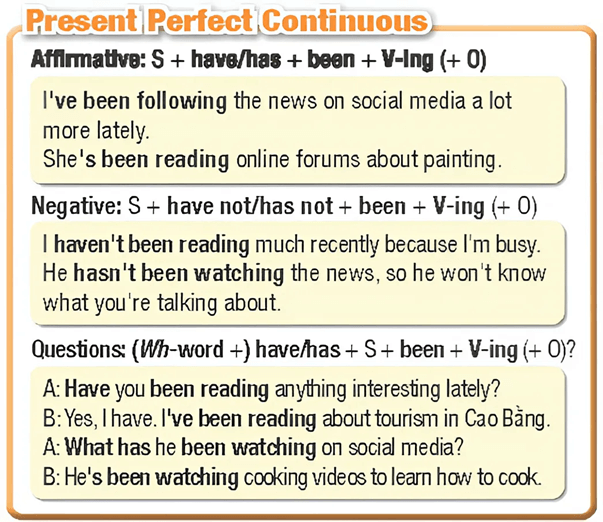
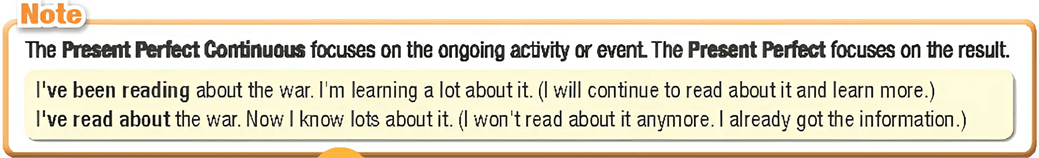
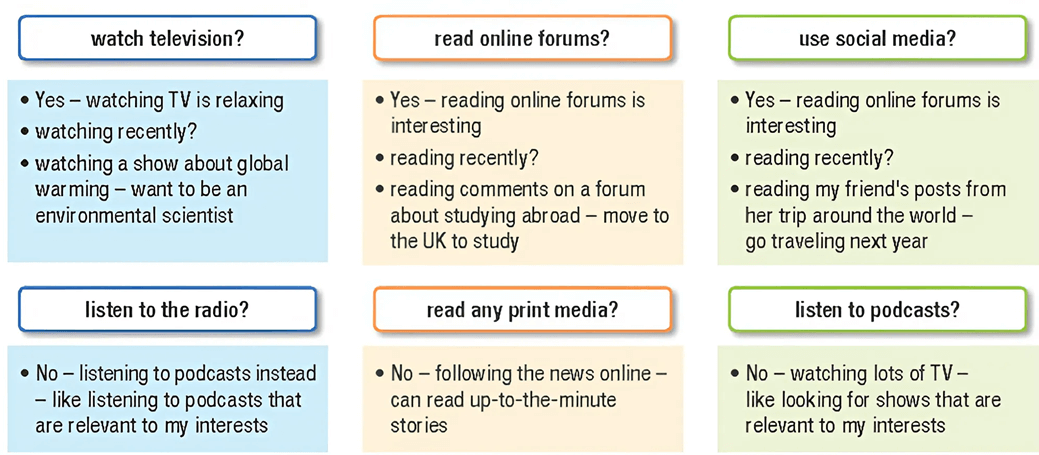
# Unit 8 Lesson 1 (trang 85, 86, 87, 88)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 8 Lesson 1** **(trang 85, 86, 87, 88) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 85 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. Which of these media do you use to get news and entertainment? Which ones are most popular in your country? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn sử dụng phương tiện nào trong số những phương tiện này để cập nhật tin tức và giải trí? Những phương tiện nào phổ biến nhất ở đất nước của bạn?)  
  
**Đáp án:**  
I use television and social media platforms to get news and entertainment. Social media platforms and digital news channels are most popular in my country.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi sử dụng tivi và các nền tảng truyền thông xã hội để cập nhật tin tức và giải trí. Nền tảng truyền thông xã hội và các kênh tin tức kỹ thuật số phổ biến nhất ở nước tôi.  
  
**New Words (phần a->c trang 85 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the underlined words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ được gạch chân với các định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
A. These days, there are so many different kinds of . You can spend all day reading on the internet or watching TV.  
B. My dad really enjoys . He always has a magazine or newspaper with him.  
C. I think the radio is a bit . Everyone finds new music on the internet now.  
D. I use social media to get news. I want to know the latest stories and gossip about celebrities.  
E. I only read sports news. Politics and economics aren't to my interests.  
F. I joined an online so I can discuss fitness tips with other people.  
G. TV news is boring. I prefer getting my news online because it’s , and I can talk about it with other people.  
H. Today is my birthday. A lot of people ed on my social media page to wish me happy birthday.  
1. newspapers and magazines:   
2. give your opinion about something: \_\_\_\_\_\_\_\_  
3. having the most recent information: \_\_\_\_\_\_\_\_  
4. no longer useful because it's too old: \_\_\_\_\_\_\_\_  
5. (computing) being able to pass information continuously between a person and a device: \_\_\_\_\_\_\_\_  
6. a website where people can post about a topic or reply to other people: \_\_\_\_\_\_\_\_  
7. connected to what is happening or being discussed: \_\_\_\_\_\_\_\_  
8. the main ways people get information and entertainment, including TV, radio, newspapers, and the internet: \_\_\_\_\_\_\_\_  
CD2-31  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. print media  
  
  
2. comment  
  
  
3. up-to-the-minute  
  
  
4. outdated  
  
  
  
  
5. interactive  
  
  
6. forum  
  
  
7. relevant  
  
  
8. media  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Ngày nay, có rất nhiều loại khác nhau. Bạn có thể dành cả ngày để đọc trên internet hoặc xem tivi.  
B. Bố tôi thực sự thích . Ông ấy luôn mang theo một cuốn tạp chí hoặc tờ báo bên mình.  
C. Tôi nghĩ chiếc radio hơi . Bây giờ mọi người đều tìm kiếm âm nhạc mới trên internet.  
D. Tôi sử dụng mạng xã hội để cập nhật tin tức . Tôi muốn biết những câu chuyện và tin đồn mới nhất về những người nổi tiếng.  
E. Tôi chỉ đọc tin tức thể thao. Chính trị và kinh tế không đến sở thích của tôi.  
F. Tôi tham gia một trực tuyến để có thể thảo luận các mẹo tập thể dục với người khác.  
G. Tin tức truyền hình thật nhàm chán. Tôi thích cập nhật tin tức trực tuyến hơn vì nó và tôi có thể bàn luận về nó với người khác.  
H. Hôm nay là sinh nhật của tôi. Rất nhiều người đã trên trang mạng xã hội của tôi để chúc tôi sinh nhật vui vẻ.  
1. báo và tạp chí:   
2. đưa ra ý kiến của bạn về điều gì đó:   
3. có thông tin mới nhất:   
4. không còn hữu ích vì đã quá cũ:   
5. (máy tính) có khả năng truyền thông tin liên tục giữa con người và thiết bị:   
6. một trang web nơi mọi người có thể đăng bài về một chủ đề hoặc trả lời người khác:   
7. kết nối với những gì đang xảy ra hoặc đang được thảo luận:   
8. những cách chính để mọi người tiếp cận thông tin và giải trí, bao gồm tivi, đài phát thanh, báo chí và internet:   
**b. Add the words in the box to the table.** (Thêm từ trong khung vào bảng.)  
  
  
  
  
  
outdated, up-to-the-minute, relevant, fun, boring, convenient, interactive, fake, useful  
  
  
  
  
  
   
  
  
  
  
**Positive**  
  
  
   
  
  
  
  
**Negative**  
  
  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
**Positive**  
  
  
relevant, fun, convenient, interactive, useful, up-to-the-minute  
  
  
  
  
**Negative**  
  
  
outdated, boring, fake  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Tích cực**  
  
  
liên quan, thú vị, thuận tiện, có tính tương tác, hữu ích, cập nhật từng phút  
  
  
  
  
**Tiêu cực**  
  
  
lỗi thời, nhàm chán, giả mạo  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about different kinds of media.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về các loại phương tiện truyền thông khác nhau.)  
I think magazines are outdated. I never see anyone reading them. (Tôi nghĩ tạp chí đã lỗi thời. Tôi chưa bao giờ thấy ai đọc chúng.)  
**Gợi ý:**  
- The comment section on the up-to-the-minute news website buzzes with activity as users engage in interactive discussions about current events.  
- Joining an interactive forum dedicated to relevant topics in the field helped me stay updated with the latest trends and developments.  
- Social media platforms provide an interactive space for users to comment, share, and engage with content in real-time.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Phần bình luận trên trang web tin tức cập nhật từng phút tràn ngập hoạt động khi người dùng tham gia vào các cuộc thảo luận tương tác về các sự kiện hiện tại.  
- Việc tham gia một diễn đàn tương tác dành riêng cho các chủ đề liên quan trong lĩnh vực này đã giúp tôi cập nhật những xu hướng và sự phát triển mới nhất.  
- Nền tảng truyền thông xã hội cung cấp không gian tương tác để người dùng bình luận, chia sẻ và tương tác với nội dung trong thời gian thực.  
  
**Reading (phần a->d trang 86 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read Emily's blog post and choose the main idea.** (Đọc bài đăng trên blog của Emily và chọn ý chính.)  
1. Emily and her family use media very similarly. (Emily và gia đình cô ấy sử dụng phương tiện truyền thông rất giống nhau.)   
2. Emily and her family's use of media has changed over time. (Việc sử dụng phương tiện truyền thông của Emily và gia đình cô ấy đã thay đổi theo thời gian.)   
3. Emily and her family enjoy using media. (Emily và gia đình cô ấy thích sử dụng phương tiện truyền thông.)  
**How My Family Uses Media**  
*Emily Allen July 12, 2023*  
Hey, everyone! This week, we learned about different forms of media, and that got me thinking about how my family uses media. I have noticed that the types of media my family uses have been changing over the last few years.  
My family loves baseball, and we have always watched the games on TV. But recently, I've been using social media to get news about it. I mainly use it to follow the pages for different teams and get up-to-the-minute updates on games and players from all around the country. I've been posting videos of exciting plays on my page so my friends and I can comment on . Now, I feel confident when I talk about baseball with my family members.  
My family stopped buying newspapers and magazines about a year ago to save paper and help the environment. I used to enjoy reading fashion magazines, but recently I've been following a few online fashion sites, so I don't really miss print magazines. My parents used to read the newspaper every day, but now they get the news online, and they love it. I don't read much online news though I do occasionally use it to research stuff for school.  
Of course, we have a radio and television, too. Ever since I was a little kid, my family has gathered around the TV on Sunday afternoons to watch sports and game shows. It's a kind of family tradition, so I don't think we'll ever get rid of our TV. As for the radio, I think it's a bit outdated, but my grandfather still keeps it to remember the old days.  
That's how my family uses media. How about your family? Let me know by commenting below!  
**Đáp án:**  
2. Emily and her family's use of media has changed over time. (Việc sử dụng phương tiện truyền thông của Emily và gia đình cô ấy đã thay đổi theo thời gian.)   
**Hướng dẫn dịch:**  
**Cách gia đình tôi sử dụng phương tiện truyền thông**  
*Emily Allen Ngày 12 tháng 7 năm 2023*  
Chào mọi người! Tuần này, chúng tôi đã tìm hiểu về các loại phương tiện truyền thông khác nhau và điều đó khiến tôi suy nghĩ về cách gia đình tôi sử dụng phương tiện truyền thông. Tôi nhận thấy rằng các loại phương tiện truyền thông mà gia đình tôi sử dụng đã thay đổi trong vài năm qua.  
Gia đình tôi yêu thích bóng chày và chúng tôi luôn xem các trận đấu trên tivi. Nhưng gần đây, tôi sử dụng mạng xã hội để cập nhật tin tức về các trận đấu. Tôi chủ yếu sử dụng mạng xã hội để theo dõi các trang của các đội khác nhau và cập nhật thông tin mới nhất về các trận đấu và người chơi từ khắp nơi trên cả nước. Tôi đăng video về các trận đấu thú vị trên trang của mình để tôi và bạn bè có thể bình luận về chúng. Bây giờ tôi cảm thấy tự tin khi nói chuyện về bóng chày với các thành viên trong gia đình.  
Gia đình tôi đã ngừng mua báo và tạp chí khoảng một năm trước để tiết kiệm giấy và góp phần bảo vệ môi trường. Trước đây tôi rất thích đọc tạp chí thời trang, nhưng gần đây tôi theo dõi một số trang thời trang trực tuyến nên tôi không thực sự nhớ tạp chí in. Bố mẹ tôi thường đọc báo hàng ngày, nhưng bây giờ họ đọc tin tức trực tuyến và họ rất thích nó. Tôi không đọc nhiều tin tức trực tuyến mặc dù thỉnh thoảng tôi cũng sử dụng nó để nghiên cứu bài tập trên trường.  
Tất nhiên, chúng tôi cũng có đài phát thanh và truyền hình. Kể từ khi tôi còn nhỏ, gia đình tôi đã quây quần bên tivi vào mỗi chiều Chủ nhật để xem các chương trình thể thao và trò chơi truyền hình. Đó là truyền thống gia đình, vì vậy tôi không nghĩ chúng tôi sẽ bỏ tivi. Còn đài phát thanh thì tôi nghĩ nó hơi lỗi thời nhưng ông nội tôi vẫn giữ nó để nhớ về ngày xưa.  
Đó là cách gia đình tôi sử dụng phương tiện truyền thông. Thế còn gia đình bạn? Hãy cho tôi biết bằng cách bình luận bên dưới nhé!  
**b. Now, read and answer the questions.** (Đọc và trả lời câu hỏi.)  
1. How has Emily recently been spending her time on social media? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. The word in paragraph 2 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. baseball teams  
B. videos of exciting plays  
C. Emily's friends  
3. According to paragraph 3, what conclusions can you make about what Emily thinks?  
A. Print media is terrible.   
B. Protecting the environment is important.   
C. Online news is interesting.  
4. When did Emily and her family start to watch game shows on Sundays? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. Which of the following is NOT true according to the passage?  
A. Emily and her family like baseball.   
B. Emily uses social media to learn.   
C. Emily gets a daily newspaper.  
**Đáp án:**  
1. getting news about baseball  
2. B  
3. B  
4. since she was a little kid  
5. C  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: My family loves baseball, and we have always watched the games on TV. But recently, I've been using social media to get news about it. (Gia đình tôi yêu thích bóng chày và chúng tôi luôn xem các trận đấu trên tivi. Nhưng gần đây, tôi sử dụng mạng xã hội để cập nhật tin tức về các trận đấu.)  
2. Thông tin: I mainly use it to follow the pages for different teams and get up-to-the-minute updates on games and players from all around the country. I've been posting videos of exciting plays on my page so my friends and I can comment on . (Tôi chủ yếu sử dụng mạng xã hội để theo dõi các trang của các đội khác nhau và cập nhật thông tin mới nhất về các trận đấu và người chơi từ khắp nơi trên cả nước. Tôi đăng video về các trận đấu thú vị trên trang của mình để tôi và bạn bè có thể bình luận về .)  
3. Thông tin: My family stopped buying newspapers and magazines about a year ago to save paper and help the environment. (Gia đình tôi đã ngừng mua báo và tạp chí khoảng một năm trước để tiết kiệm giấy và góp phần bảo vệ môi trường.)  
4. Thông tin: Ever since I was a little kid, my family has gathered around the TV on Sunday afternoons to watch sports and game shows. (Kể từ khi tôi còn nhỏ, gia đình tôi đã quây quần bên tivi vào mỗi chiều Chủ nhật để xem các chương trình thể thao và trò chơi truyền hình.)  
5. Thông tin:  
- My family loves baseball, and we have always watched the games on TV. (Gia đình tôi yêu thích bóng chày và chúng tôi luôn xem các trận đấu trên tivi.)  
- I don't read much online news though I do occasionally use it to research stuff for school. (Tôi không đọc nhiều tin tức trực tuyến mặc dù thỉnh thoảng tôi cũng sử dụng nó để nghiên cứu bài tập trên trường.)  
- My family stopped buying newspapers and magazines about a year ago to save paper and help the environment… My parents used to read the newspaper every day, but now they get the news online, and they love it. (Gia đình tôi đã ngừng mua báo và tạp chí khoảng một năm trước để tiết kiệm giấy và góp phần bảo vệ môi trường… Bố mẹ tôi thường đọc báo hàng ngày, nhưng bây giờ họ đọc tin tức trực tuyến và họ rất thích nó.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Gần đây Emily dành thời gian cho mạng xã hội như thế nào? – cập nhật tin tức về bóng chày  
2. Từ ở đoạn 2 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_.  
A. các đội bóng chày  
B. các video về những trận đấu thú vị  
C. bạn bè của Emily  
3. Theo đoạn 3, bạn có thể đưa ra kết luận gì về suy nghĩ của Emily?  
A. Phương tiện in ấn rất tệ.  
B. Bảo vệ môi trường rất quan trọng.  
C. Tin tức trực tuyến rất thú vị.  
4. Emily và gia đình cô ấy bắt đầu xem trò chơi truyền hình vào mỗi Chủ nhật từ khi nào? – kể từ khi cô ấy còn nhỏ  
5. Điều nào sau đây KHÔNG đúng theo bài văn?  
A. Emily và gia đình cô ấy thích bóng chày.  
B. Emily sử dụng mạng xã hội để học tập.  
C. Emily nhận được một tờ báo hàng ngày.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-32  
**d. In pairs: Make a conversation about the types of media your family uses. What kinds do they use? How often do they use them? What do they use them for?** (Theo cặp: Thực hiện 1 cuộc hội thoại về các loại phương tiện truyền thông mà gia đình bạn sử dụng. Gia đình bạn sử dụng những loại nào? Gia đình bạn có thường xuyên sử dụng chúng không? Gia đình bạn sử dụng chúng để làm gì?)  
**Gợi ý:**  
A: Hey everyone, I was just thinking about how much our media habits have changed over the years. Remember when we used to have stacks of newspapers and magazines lying around?  
B: Oh yeah, I remember those days. Now it's all about online news and social media.  
A: Definitely. I can't even remember the last time I bought a newspaper. Everything is just a click away online.  
B: That's true. I find myself using social media more and more to keep up with news, especially about sports. Instead of waiting for the evening news or flipping through the sports section, I just check my favorite sports pages on social media for up-to-the-minute updates.  
A: Same here. I've been following a bunch of fashion bloggers and online magazines lately. It's so convenient to have all the latest trends and styles right on my phone.  
B: And don't forget about streaming services. We practically live on Netflix and Hulu. It's amazing how much content is available at our fingertips.  
A: Yeah, but we still gather around the TV for our Sunday afternoon sports tradition. Some things never change, right?  
B: True, true. And let's not forget about the radio. Grandpa still tunes in every evening to listen to his favorite shows.  
A: It's funny how our media habits have evolved over time. From newspapers and magazines to social media and streaming, we've adapted to the digital age pretty well.  
B: Absolutely. But one thing's for sure, no matter how much things change, family time in front of the TV will always be a cherished tradition for us.  
A: Definitely. And who knows what new forms of media we'll be using in the future? It's exciting to think about.  
B: For now, let's just enjoy the variety of media we have and make the most of our family time together.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này mọi người, tôi chỉ đang nghĩ xem thói quen truyền thông của chúng ta đã thay đổi nhiều như thế nào trong những năm qua. Bạn có nhớ khi chúng ta từng có những chồng báo và tạp chí nằm xung quanh không?  
B: Ồ có, tôi nhớ những ngày đó. Bây giờ tất cả đều là tin tức trực tuyến và mạng xã hội.  
A: Đúng vậy. Tôi thậm chí không thể nhớ lần cuối cùng mua một tờ báo là khi nào. Tất cả mọi thứ chỉ là một cú nhấn chuột trực tuyến.  
B: Đúng vậy. Tôi thấy mình ngày càng sử dụng mạng xã hội nhiều hơn để cập nhật tin tức, đặc biệt là về thể thao. Thay vì chờ tin tức buổi tối hoặc lướt qua chuyên mục thể thao, tôi chỉ cần kiểm tra các trang thể thao yêu thích của mình trên mạng xã hội để cập nhật thông tin mới nhất từng phút.  
A: Tôi cũng vậy. Gần đây tôi đã theo dõi một loạt blogger thời trang và tạp chí trực tuyến. Thật tiện lợi khi có tất cả các xu hướng và phong cách mới nhất ngay trên điện thoại của mình.  
B: Và đừng quên các dịch vụ phát trực tuyến. Chúng ta gần như sống trên Netflix và Hulu. Thật tuyệt vời khi có bao nhiêu nội dung có sẵn trong tầm tay của chúng ta.  
A: Đúng vậy, nhưng như thường lệ chúng ta vẫn quây quần bên tivi để xem thể thao chiều Chủ nhật. Một số thứ không bao giờ thay đổi, phải không?  
B: Đúng, đúng. Và đừng quên đài phát thanh. Ông nội vẫn bật đài mỗi tối để nghe những chương trình ông yêu thích.  
A: Thật thú vị khi thói quen sử dụng phương tiện truyền thông của chúng ta lại phát triển theo thời gian. Từ báo và tạp chí đến mạng xã hội và dịch vụ phát trực tuyến, chúng ta đã thích nghi khá tốt với thời đại kỹ thuật số.  
B: Chắc chắn rồi. Nhưng có một điều chắc chắn rằng, dù mọi thứ có thay đổi thế nào thì thời gian dành cho gia đình trước tivi vẫn luôn là truyền thống đáng trân trọng của chúng ta.  
A: Chắc chắn rồi. Và ai biết được chúng ta sẽ sử dụng những hình thức truyền thông mới nào trong tương lai chứ? Thật thú vị khi nghĩ về điều đó.  
B: Hiện tại, chúng ta hãy tận hưởng sự đa dạng của các phương tiện truyền thông mà chúng ta có và tận dụng tối đa thời gian bên nhau cùng gia đình.  
  
**Grammar (phần a->e trang 86-87 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about the Present Perfect Continuous, then fill in the blanks.** (Đọc về thì Hiện Tại hoàn thành tiếp diễn, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- What lately?  
- fashion videos because I want to study fashion.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Gần đây bạn xem gì?  
- Tôi xem video thời trang vì tôi muốn học về thời trang.  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn**  
**Chúng ta có thể sử dụng thì này để nói về:**  
• một hành động hoặc sự việc đơn lẻ hoặc lặp đi lặp lại bắt đầu từ trong quá khứ và vẫn đang tiếp tục diễn ra.  
**I've been reading** a book on social media. (I'm still reading the book.)  
(Tôi đã đọc được một quyển sách trên mạng xã hội. (Tôi vẫn đang đọc cuốn sách.))  
**I've been reading** the news online since I was young. (I continue to read the news online.)  
(Tôi đã đọc tin tức trực tuyến từ khi còn nhỏ. (Tôi tiếp tục đọc tin tức trực tuyến.))  
• các hoạt động trong quá khứ đã hoàn thành gần đây  
**I've been reading** in my room. (That is why I'm tired.)   
(Tôi đang đọc sách trong phòng. (Đó là lý do tại sao tôi mệt.))  
**We've been studying** for our exam. (We think we'll do well.)  
(Chúng tôi đang ôn tập cho kỳ thi của mình. (Chúng tôi nghĩ chúng tôi sẽ làm tốt.))  
Chúng ta thường sử dụng thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các biểu thức thời gian như: *lately* - gần đây, *recently* - gần đây, *all (day)* - cả (ngày), *for (five years)* - trong suốt (5 năm), *since I was (a teenager)* - kể từ khi tôi (còn nhỏ), v.v.  
  
  
  
  
**b. Listen and cheek. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-33  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn**  
**Khẳng định:** S + **has/has** + **been** + **V-ing** (+ O)   
I**'ve been following** the news on social media a lot more lately. (Gần đây tôi theo dõi tin tức trên mạng xã hội nhiều hơn.)  
She**'s been reading** online forums about painting. (Cô ấy đang đọc các diễn đàn trực tuyến về hội họa.)  
**Phủ định:** S + **have not/has not** + **been** + **V-ing** (+ O)  
I **haven't been reading** much recently because I'm busy. (Gần đây tôi không đọc nhiều sách vì bận.)  
He **hasn't been watching** the news, so he won't know what you're talking about. (Anh ấy chưa xem tin tức nên anh ấy sẽ không biết bạn đang nói về điều gì.)  
**Nghi vấn:** **(Từ để hỏi Wh-** +**) have/has** + S + **been** + **V-ing** (+ O)?  
A: **Have** you **been reading** anything interesting lately? (Gần đây bạn có đọc được điều gì thú vị không?)  
B: Yes, I have. I**'ve been reading** about tourism in Cao Bang. (Có. Tôi đang đọc về du lịch ở Cao Bằng.)  
A: **What** **has** he **been watching** on social media? (Anh ấy đang xem gì trên mạng xã hội vậy?)  
B: He**'s been watching** cooking videos to learn how to cook. (Anh ấy đang xem video nấu ăn để học nấu ăn.)  
  
  
  
  
**Lưu ý:**  
**Thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn** nhấn mạnh vào quá trình của hoạt động hoặc sự việc. Thì Hiện tại hoàn thành nhấn mạnh vào kết quả của hoạt động hoặc sự việc.  
I**'ve been reading** about the war. I'm learning a lot about it. (I will continue to read about it and learn more.)  
(Tôi đã đọc về chiến tranh. Tôi đang tìm hiểu rất nhiều về nó. (Tôi sẽ tiếp tục đọc về nó và tìm hiểu thêm.))  
I**'ve read** about the war. Now I know lots about it. (I won’t read about it anymore. I already got the information.)  
(Tôi đã đọc về chiến tranh. Bây giờ tôi biết rất nhiều về nó. (Tôi sẽ không đọc về nó nữa. Tôi đã có thông tin rồi.))  
  
  
  
  
**c. Write sentences using the Present Perfect Continuous and the prompts.** (Viết câu sử dụng thì Hiện tại hoàn thành tiếp diễn và các gợi ý.)  
1. She/watch English/movies/TV shows/with/sister.  
2. They/not/read/print media/lately/because/online news/free.  
3. I/follow/lots/story/online/about/music/singers.  
4. What/forums/you/read/these days?  
5. Have/you/read/or/watch/anything/interesting/lately?  
**Đáp án:**  
1. She has been watching English movies and TV shows with her sister.  
2. They have not been reading print media lately because online news is free.  
3. I have been following lots of stories online about music singers.  
4. What forums have you been reading these days?  
5. Have you been reading or watching anything interesting lately?  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Cô ấy đang xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh với chị gái.  
2. Gần đây họ không đọc báo in vì tin tức trực tuyến là miễn phí.  
3. Tôi đã theo dõi rất nhiều câu chuyện trên mạng về các ca sĩ ca nhạc.  
4. Gần đây bạn đọc diễn đàn nào?  
5. Gần đây bạn có đọc hoặc xem điều gì thú vị không?  
**d. Circle the correct verb form.** (Khoanh vào dạng động từ đúng.)  
1. Social media is a waste of time, so *I don't use/ I haven't been using* it much lately.  
2. *She's been listening/ She will listen* to a podcast about fitness and is looking for new podcasts on that topic.  
3. I don't think print media is outdated. *I followed/ I've been following* a story about renewable energy projects in the newspaper last year, and it was very useful.  
4. I*'ve read/ been reading* the comments on this economics article. Now I understand the article better.  
5. *Did you use/ Have you been using* the same types of media to get your news and entertainment recently?  
**Đáp án:**  
1. Social media is a waste of time, so it much lately.  
2. to a podcast about fitness and is looking for new podcasts on that topic.  
3. I don't think print media is outdated. a story about renewable energy projects in the newspaper last year, and it was very useful.  
4. I the comments on this economics article. Now I understand the article better.  
5. the same types of media to get your news and entertainment recently?  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mạng xã hội thật lãng phí thời gian nên gần đây tôi không sử dụng nó nhiều.  
2. Cô ấy đang nghe một podcast về thể dục và đang tìm kiếm các podcast mới về chủ đề đó.  
3. Tôi không nghĩ phương tiện in ấn đã lỗi thời. Tôi đã theo dõi một câu chuyện về các dự án năng lượng tái tạo trên báo năm ngoái và nó rất hữu ích.  
4. Tôi đã đọc các bình luận trên bài báo kinh tế này. Bây giờ tôi hiểu bài báo tốt hơn.  
5. Gần đây bạn có sử dụng các loại phương tiện truyền thông tương tự để cập nhật tin tức và giải trí không?  
**e. In pairs: Use the prompts to talk about things you have or haven't been doing recently and say why.** (Làm việc theo cặp: Sử dụng các gợi ý để nói về những việc bạn đã làm hoặc chưa làm gần đây và cho biết lý do.)  
  
  
  
  
• I've been watching ... (Tôi đã xem …)  
• I haven't been reading ... (Tôi chưa đọc …)  
• I've been using ... (Tôi đang sử dụng …)   
• I haven't been watching the news ... (Tôi chưa xem tin tức …)   
• I've been reading about future technology … (Tôi đang đọc về công nghệ tương lai …)  
• I've been listening to a podcast about ... (Tôi đang nghe một podcast về …)  
  
  
  
  
I’ve been watching a Korean show with my sister. We love Korean TV. (Tôi đang xem một chương trình truyền hình Hàn Quốc với chị gái tôi. Chúng tôi yêu thích truyền hình Hàn Quốc.)  
**Gợi ý:**  
• I've been watching a Korean TV show because I find it entertaining and it helps me relax after a long day.  
• I haven't been watching the news because I find it overwhelming and often negative. Instead, I prefer to focus on more positive and uplifting content.  
• I haven't been reading traditional newspapers or magazines lately. Instead, I've been reading about future technology online. It's fascinating to explore the possibilities and advancements in various fields.  
• I've been using social media sparingly. Instead, I've been listening to a podcast about personal development. It's been helping me stay motivated and inspired to work towards my goals.  
**Hướng dẫn dịch:**  
• Tôi đang xem một chương trình truyền hình Hàn Quốc vì tôi thấy nó thú vị và giúp tôi thư giãn sau một ngày dài.  
• Tôi không xem tin tức vì tôi thấy nó quá choáng ngợp và thường mang tính tiêu cực. Thay vào đó, tôi thích tập trung vào nội dung tích cực và nâng cao tinh thần hơn.  
• Gần đây tôi không đọc báo hay tạp chí truyền thống nữa. Thay vào đó, tôi đang đọc trực tuyến về công nghệ tương lai. Thật thú vị khi khám phá những khả năng và tiến bộ trong nhiều lĩnh vực khác nhau.  
• Tôi sử dụng mạng xã hội rất ít. Thay vào đó, tôi đang nghe một podcast về phát triển cá nhân. Nó giúp tôi luôn có động lực và cảm hứng để làm việc hướng tới mục tiêu của mình.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 87 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Yes/No questions rise at the end. Other questions fall at the end.** (Câu hỏi Có/Không sẽ lên giọng ở cuối câu. Các câu hỏi khác hạ giọng vào cuối câu.)  
Do you spend much time online?   
Which is your favorite news site?   
**Hướng dẫn dịch:**  
Bạn có dành nhiều thời gian trực tuyến không?  
Trang web tin tức yêu thích của bạn là gì?   
**b. Listen. Notice how the underlined words rise or fall in intonation.** (Nghe. Chú ý tới cách các từ được gạch chân được lên hoặc hạ giọng.)   
Do you use social ?  
What have you been watching or reading ?  
CD2-34  
**Hướng dẫn dịch:**  
Bạn có sử dụng mạng xã hội không?  
Gần đây bạn xem hay đọc gì thế?  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
How much time do you spend on social media each day?   
Do you think people spend too much time online?  
CD2-35  
**Đáp án:**  
How much time do you spend on social media each day?   
**Hướng dẫn dịch:**  
Bạn dành bao nhiêu thời gian cho mạng xã hội mỗi ngày?  
Bạn có nghĩ mọi người dành quá nhiều thời gian trực tuyến không?  
**d. Practice reading the sentences with the intonation noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu có ngữ điệu ghi ở Bài tập a cho bạn cùng bàn.)  
  
**Practice (phần a->b trang 88 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about the different types of media you've been using recently and why you've been using them.** (Hãy lắng nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về các loại phương tiện truyền thông khác nhau mà bạn đang sử dụng gần đây và lý do bạn sử dụng chúng.)  
CD2-36  
- Do you watch television? (Bạn có xem tivi không?)  
- Yes, I do. I think watching TV is relaxing. (Có, tôi có xem. Tôi nghĩ xem tivi rất thư giãn.)  
- Have you been watching anything new recently? (Gần đây bạn có xem gì mới không?)  
- Yes. I’ve been watching a show about global warming because I want to be an environmental scientist. (Có. Tôi đang xem một chương trình về hiện tượng nóng lên toàn cầu vì tôi muốn trở thành một nhà khoa học môi trường.)  
  
**Gợi ý:**  
Q: Do you listen to the radio?  
A: No, I've been listening to podcasts instead. I enjoy listening to podcasts that are relevant to my interests, like technology and self-improvement.  
Q: Do you read online forums?  
A: Yes, I find reading online forums interesting. Recently, I've been reading comments on a forum about studying abroad. I'm considering moving to the UK to study next year.  
Q: Have you been reading recently?  
A: Not really, I've been using social media more. I've been reading my friend's posts from her trip around the world. It's inspiring me to plan my own travels for next year.  
Q: Do you read any print media?  
A: No, I prefer following the news online. That way, I can read up-to-the-minute stories and stay informed about current events.  
Q: Do you listen to podcasts?  
A: No, I've been watching lots of TV lately. I enjoy looking for shows that are relevant to my interests, like documentaries and drama series.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Q: Bạn có nghe radio không?  
A: Không, thay vào đó tôi đang nghe podcast. Tôi thích nghe podcast phù hợp với sở thích của mình, như công nghệ và tự hoàn thiện bản thân.  
Q: Bạn có đọc các diễn đàn trực tuyến không?  
A: Có, tôi thấy việc đọc các diễn đàn trực tuyến rất thú vị. Gần đây tôi có đọc được những bình luận trên một diễn đàn về du học. Tôi đang cân nhắc việc chuyển đến Anh để học vào năm tới.  
Q: Gần đây bạn có đọc sách không?  
A: Không hẳn, tôi sử dụng mạng xã hội nhiều hơn. Tôi đã đọc bài viết của bạn tôi về chuyến đi vòng quanh thế giới của cô ấy. Nó truyền cảm hứng cho tôi lên kế hoạch cho chuyến du lịch của riêng mình trong năm tới.  
Q: Bạn có đọc báo in không?  
A: Không, tôi thích theo dõi tin tức trực tuyến hơn. Bằng cách đó, tôi có thể đọc những câu chuyện được cập nhật từng phút và cập nhật thông tin về các sự kiện hiện tại.  
Q: Bạn có nghe podcast không?  
A: Không, gần đây tôi xem rất nhiều tivi. Tôi thích tìm kiếm các chương trình phù hợp với sở thích của mình, như phim tài liệu và phim truyền hình nhiều tập.  
**b. Practice with your own ideas.** (Luyện tập với ý của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, B! Have you noticed how much time we spend surfing the internet lately?  
B: Yeah, it seems like we're constantly connected, doesn't it? But I think there's a good reason for it.  
A: What do you mean?  
B: Well, the internet offers us access to an incredible amount of information and resources. Whether it's for work, school, or just personal interests, there's always something new to discover online.  
A: That's true. I find myself using it for everything from researching topics for projects to catching up on the latest news and trends.  
B: Exactly! And it's not just about information either. The internet provides us with opportunities for entertainment and relaxation too. I mean, who doesn't enjoy streaming their favorite shows or browsing through funny memes?  
A: Absolutely! It's like a whole world of entertainment at our fingertips. Plus, with social media platforms, we can stay connected with friends and family no matter where they are.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, B! Bạn có để ý gần đây chúng ta dành bao nhiêu thời gian để lướt internet không?  
B: Ừ, có vẻ như chúng ta liên tục kết nối với nhau phải không? Nhưng tôi nghĩ có lý do chính đáng cho việc đó.  
A: Ý bạn là gì?  
B: À, Internet cho chúng ta khả năng tiếp cận một lượng thông tin và tài nguyên khổng lồ. Cho dù đó là vì công việc, học tập hay chỉ vì sở thích cá nhân, luôn có điều gì đó mới mẻ để khám phá trực tuyến.  
A: Đúng vậy. Tôi thấy mình sử dụng nó cho mọi việc, từ nghiên cứu chủ đề cho các dự án cho đến cập nhật những tin tức và xu hướng mới nhất.  
B: Chính xác! Và nó không chỉ là về thông tin. Internet cũng cung cấp cho chúng ta cơ hội giải trí và thư giãn. Ý tôi là, ai lại không thích phát trực tuyến các chương trình yêu thích của mình hoặc duyệt qua các meme vui nhộn chứ?  
A: Chắc chắn rồi! Nó giống như cả một thế giới giải trí trong tầm tay chúng ta. Ngoài ra, với các nền tảng truyền thông xã hội, chúng ta có thể duy trì kết nối với bạn bè và gia đình cho dù họ ở đâu.  
  
**Speaking (phần a->b trang 88 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
HOW HAVE YOU BEEN USING MEDIA?  
**a. In pairs: Look at the different types of media and discuss which ones you use and why, then talk about anything new and interesting you have been watching, listening to, or reading about recently.** (Theo cặp: Xem xét các loại phương tiện truyền thông khác nhau và thảo luận xem bạn sử dụng loại nào và tại sao, sau đó nói về bất kỳ điều gì mới và thú vị mà bạn đã xem, nghe hoặc đọc gần đây.)  
  
  
  
  
**Types of Media (Loại phương tiện truyền thông)**  
  
  
**Reasons (Lý do)**  
  
  
  
  
• Social media (mạng xã hội)  
• Online forums (diễn đàn trực tuyến)  
• Print media (phương tiện in ấn)  
• Radio (đài phát thanh)  
• Television (tivi)  
• Podcasts  
  
  
• outdated (lỗi thời)  
• convenient (thuận tiện)  
• up-to-the-minute (cập nhật từng phút)  
• relevant (liên quan)  
• interactive (có tính tương tác)  
• interesting (thú vị)  
  
  
  
  
- Do you use social media? (Bạn có sử dụng mạng xã hội không?)  
- Yes, I do. I like it because it's interactive. I can comment on things my friends post. (Có. Tôi thích nó vì nó có tính tương tác. Tôi có thể bình luận về những điều bạn bè tôi đăng.)  
- Have you been watching or reading anything new lately? (Gần đây bạn có xem hay đọc bất cứ điều gì mới không?)  
- Yes, I have. Lately, I've been watching fashion videos because I want to study fashion in university. Do you use social media? (Có. Gần đây, tôi xem các video về thời trang vì tôi muốn học về thời trang ở trường đại học. Bạn có sử dụng mạng xã hội không?)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, have you been keeping up with any particular types of media lately?  
B: Yeah, I've been quite active on social media recently. It's just so convenient to catch up with friends and see what they're up to, especially when everyone's so spread out.  
A: That's true, social media does make it easy to stay connected. I've been more into online forums lately. I find them really interactive and interesting. It's like diving into different communities and discussions.  
B: Nice! I can see the appeal. I tend to prefer print media for my news, though. It might seem a bit outdated, but there's something about flipping through a newspaper that I find comforting.  
A: Yeah, I get that. But for me, I like the up-to-the-minute updates I get from the radio. It's perfect for catching news or listening to music on the go.  
B: True, radio is great for that. Lately, I've been binge-watching a new TV series. It's so relevant to my interests, and I just can't get enough of it.  
A: Nice! I've been switching between TV and podcasts. I find podcasts really interesting because you can delve deep into topics that you're passionate about. Plus, you can listen to them anytime, anywhere.  
B: Definitely! Do you have any recommendations?  
A: Actually, I've been listening to this podcast about space exploration. It's been blowing my mind with all the latest discoveries.  
B: Sounds fascinating! I'll have to check it out. Thanks for the tip!  
A: No problem! It's always fun to share new and interesting media finds.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, gần đây bạn có dùng bất kỳ loại phương tiện truyền thông cụ thể nào không?  
B: Có, gần đây tôi hoạt động khá nhiều trên mạng xã hội. Nó rất thuận tiện khi liên lạc với bạn bè và xem họ đang làm gì, đặc biệt là khi mọi người ở rất xa nhau.  
A: Đúng vậy, mạng xã hội giúp bạn dễ dàng kết nối. Gần đây tôi tham gia nhiều diễn đàn trực tuyến hơn. Tôi thấy chúng thực sự có tính tương tác và thú vị. Nó giống như đi sâu vào các cộng đồng và các cuộc thảo luận khác nhau.  
B: Tuyệt! Tôi có thể thấy sự hấp dẫn. Tuy nhiên, tôi có xu hướng thích cập nhật tin tức thông qua phương tiện in ấn hơn. Nó có vẻ hơi lỗi thời, nhưng có điều gì đó khi lướt qua một tờ báo khiến tôi thấy an ủi.  
A: Ừ, tôi hiểu rồi. Nhưng đối với tôi, tôi thích những thông tin cập nhật từng phút mà tôi nhận được từ đài phát thanh. Thật hoàn hảo để nắm bắt tin tức hoặc nghe nhạc khi đang di chuyển.  
B: Đúng vậy, đài phát thanh rất phù hợp cho việc đó. Gần đây, tôi say sưa xem một bộ phim truyền hình mới. Nó đúng với sở thích của tôi và tôi không thể ngừng xem.  
A: Tuyệt! Tôi đã chuyển đổi giữa tivi và podcast. Tôi thấy podcast thực sự thú vị vì bạn có thể tìm hiểu sâu về các chủ đề mà bạn đam mê. Ngoài ra, bạn có thể nghe chúng mọi lúc, mọi nơi.  
B: Chắc chắn rồi! Bạn có gợi ý nào không?  
A: Thực ra, tôi đã nghe podcast này về khám phá không gian. Nó làm tôi choáng váng với tất cả những khám phá mới nhất.  
B: Nghe có vẻ hấp dẫn! Tôi sẽ phải xem ngay. Cảm ơn vì mẹo đó!  
A: Không vấn đề gì! Việc chia sẻ những phát hiện truyền thông mới và thú vị luôn là điều thú vị.  
**b. Join a new partner. Tell them about your previous partner's media use.** (Tham gia cùng với 1 người bạn khác. Nói với họ về việc sử dụng phương tiện truyền thông của người bạn trước đó của bạn.)  
Sarah has been watching fashion videos on social media because she wants to study fashion. (Sarah xem các video thời trang trên mạng xã hội vì cô ấy muốn học về thời trang.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 8 Lesson 2 (trang 89, 90, 91, 92)  
Unit 8 Lesson 3 (trang 93, 94, 95)